

Số: 05/2020/QĐST – DS

Đại từ, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 BLDS;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST – DS, ngày 28 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị M, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Phan Ngọc V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm P xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về quan hệ vay nợ:** Chị Nông Thị M khởi kiện anh Phan Ngọc V yêu cầu trả số tiền 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi, anh V nhất trí trả cho chị M số tiền 225.000.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nông Thị M tự nguyện chịu 2.810.250đ (hai triệu tám trăm mười nghìn, hai trăm lăm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013276, ngày 28/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Đại Từ. Số tiền 8.780.750đ (tám triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) còn lại theo biên lai hoàn trả chị M.

Anh Phan Ngọc V tự nguyện chịu 2.810.250đ (hai triệu tám trăm mười nghìn, hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

ĐÀO NGỌC HÀI